

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Phước Tân;

Ông Võ Văn Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Triết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 25, ấp VH, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Trương Tú T, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ 25, ấp VH, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Ông P có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông P trình bày: Hôn nhân giữa ông và bà T do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn, tuy nhiên thời điểm này ông đang công tác tại tỉnh đội An Giang nên được Ban chỉ huy cấp quyết định cho phép hai người cưới nhau nhưng hiện đã thất lạc. Sau khi kết hôn bà T về nhà ông sống, thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân do bất đồng quan điểm sống, bà T thường xuyên chửi rủa, hiếp đáp ông, không nể nang gia đình bên chồng cũng như hàng xóm láng giềng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến năm 2018 thì cả hai không còn chung sống với nhau nữa. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trường G sinh ngày 21/4/1997 đã trưởng thành, tự lập và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 02/9/2009 hiện đang sống với bà T. Nay ly hôn ông đồng ý giao cháu Đ cho bà T nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là bà Trương Tú T không có văn bản hoặc ý kiến trình bày đối với yêu cầu của ông P. Không tham gia các buổi hoà giải, phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ.

Kết quả xác minh tình trạng cư trú của bà T thể hiện bà vẫn còn Đ ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang, thỉnh thoảng vẫn về địa phương.

Tại phiên tòa:

Ông P có mặt, bảo lưu ý kiến của mình như đã trình bày.

Bà T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, quá trình hòa giải, xác minh, thu thập chứng cứ... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân giữa ông P và bà T không có Đ kí kết hôn, trong đời sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, thời gian không chung sống kéo dài, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận ông P và bà T là vợ chồng.

- Về con chung: Cháu G đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với cháu Đ do không làm việc được với cháu, đồng thời theo ông P cho biết cháu đang sống với bà T và ông cũng đồng ý giao con cho bà T nuôi, do vậy chấp nhận.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông P tự nguyện cấp dưỡng theo quy định pháp luật đối với cháu Đ. Đây là sự tự nguyện của ông, không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do ông P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Ông P phải chịu án phí dân sự về hôn nhân gia đình và án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng với bà T, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà T vắng mặt không có lý do mặc dù đã triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông P và bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 1995 và theo ông P trình bày thì được Ban Chỉ huy quân sự tỉnh An Giang cấp quyết định cho phép tổ chức lễ cưới, tuy nhiên không Đ ký kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do hôn nhân của ông bà xác lập sau ngày 03/01/1987, có đủ điều kiện để Đ ký kết hôn nhưng không thực hiện việc Đ ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về việc nuôi con chung, cấp dưỡng: Con chung gồm cháu Nguyễn Trường G sinh ngày 21/4/1997, hiện đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Hải Đ sinh ngày 02/9/2009, quá trình giải quyết vụ án Tòa án không làm việc được với cháu Đ để ghi nhận ý kiến của cháu về việc muốn sống với cha hay mẹ trong trường hợp cha, mẹ ly hôn. Tuy nhiên, theo ông P trình bày thì hiện cháu Đ đang sống với mẹ, việc này cũng được xác nhận của chính quyền địa phương và ông P cũng đồng ý giao cháu Đ cho bà T tiếp tục nuôi dạy. Xét thấy, việc không ghi nhận được ý kiến, nguyện vọng của con chung không phải là điều kiện bắt buộc để giao con cho một trong hai bên nuôi dạy, ông P không tranh chấp quyền nuôi con, cháu Đ đang sống với bà T nên để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đ cho bà T nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T về mức cấp dưỡng cũng như yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng. Căn cứ quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của ông P, buộc ông có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hải Đ mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi con chung thành niên, lao động được. Thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ khi tuyên án.

Về việc thăm nom con chung: Ông P được quyền thăm con chung, bà T và người thân thích (nếu có) không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng...được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà T và ông P có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn P và bà Trương Tú T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà T được tiếp tục nuôi dạy cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 02/9/2009. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng đến khi con thành niên, lao động được. Thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày tuyên án.

Ông P được quyền thăm con chung, bà T và người thân thích (nếu có) không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan khác Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo những căn cứ do pháp luật quy định.

- Về án phí: Ông P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0009868 ngày 05/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo